

THÔNG BÁO

Tuyển sinh đào tạo thạc sĩ đợt 1 năm 2024

Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ chính quy tập trung đợt 1 năm 2024 theo phương thức xét tuyển và xét tuyển thẳng như sau:

1. Yêu cầu đối với người dự tuyển

1.1. Yêu cầu về văn bằng:

- Đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp; đối với chương trình định hướng nghiên cứu yêu cầu hạng tốt nghiệp từ Khá trở lên hoặc có công bố khoa học (sách, giáo trình, bài báo đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành hoặc các báo cáo đăng trên kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành) liên quan đến lĩnh vực học tập, nghiên cứu. Văn bằng đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận văn bằng theo quy định hiện hành. Ngành phù hợp là ngành đào tạo trình độ đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) trang bị cho người học nền tảng chuyên môn cần thiết để học tiếp chương trình đào tạo (CTĐT) thạc sĩ của ngành tương ứng, được quy định cụ thể trong Phụ lục 3;

- Có năng lực tiếng Anh đáp ứng yêu cầu về năng lực ngoại ngữ của chương trình dự tuyển được minh chứng bằng một trong các văn bằng, chứng chỉ sau:

+ Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ Anh, ngành sư phạm ngôn ngữ Anh hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành được thực hiện bằng ngôn ngữ Anh;

+ Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do các đơn vị đào tạo trong Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN) cấp trong thời gian không quá 2 năm tính đến ngày đăng ký dự tuyển;

+ Một trong các chứng chỉ/chứng nhận tiếng Anh đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam trong thời hạn 2 năm kể từ ngày thi chứng chỉ/chứng nhận đến ngày đăng ký dự tuyển (tham khảo Phụ lục 4 và Phụ lục 5).

* Lưu ý: - ĐHQGHN không chấp nhận sử dụng chứng chỉ ngoại ngữ thi theo hình thức trực tuyến.

- Các thí sinh có thể sử dụng kết quả bài thi VNU test trước hoặc cùng đợt tuyển sinh làm minh chứng về năng lực ngoại ngữ để dự tuyển thạc sĩ (**Đăng kí trực tiếp tại Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN**).

1.2. Các yêu cầu khác:

- Kinh nghiệm công tác chuyên môn: Áp dụng đối với chuyên ngành Khoa học dữ liệu (quy định cụ thể trong Phụ lục 3);
- Lí lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỉ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lí nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận;
- Có đủ sức khoẻ để học tập;
- Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định.

2. Bổ sung kiến thức

Người có bằng tốt nghiệp đại học ngành phù hợp với ngành đào tạo thạc sĩ nhưng phải học bổ sung kiến thức của chương trình đại học thì phải hoàn thành các học phần bổ sung trước khi đăng kí dự thi (quy định trong Phụ lục 3).

3. Phương thức tuyển sinh

Các phương thức tuyển sinh thạc sĩ tại Trường Đại học Khoa học Tự nhiên (ĐHKHTN) bao gồm:

3.1. Xét tuyển thẳng: xét tuyển thẳng dựa trên hồ sơ của thí sinh, bao gồm: loại CTĐT, kết quả học tập trình độ đại học, năng lực ngoại ngữ (theo yêu cầu của CTĐT) và năng lực nghiên cứu khoa học (nếu có);

3.2. Xét tuyển: xét tuyển dựa trên kết quả học tập trình độ đại học, năng lực ngoại ngữ (theo yêu cầu của CTĐT), kết quả thi vấn đáp chuyên môn của thí sinh.

Danh mục các chuyên ngành và chỉ tiêu tuyển sinh như trong Phụ lục 2.

4. Tổ chức xét tuyển thẳng

4.1. Điều kiện xét tuyển thẳng

Các thí sinh đăng ký dự tuyển đào tạo thạc sĩ tại Trường ĐHKHTN, đáp ứng các yêu cầu đối với người dự tuyển (nêu trong Mục 1) được xét tuyển thẳng nếu đáp ứng một trong các yêu cầu sau:

+ Có bằng tốt nghiệp đại học chính quy ngành đúng hạng Khá trở lên của ĐHQGHN trong thời hạn 12 tháng (tính đến thời điểm nộp hồ sơ) thuộc các CTĐT tài năng, tiên tiến, chuẩn quốc tế, chất lượng cao (được nhà nước đầu tư) hoặc các CTĐT đã kiểm định bởi các tổ chức kiểm định được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận (các CTĐT này phải còn thời hạn kiểm định tại thời điểm thí sinh đang học tập ở trình độ đại học);

+ Có bằng tốt nghiệp đại học chính quy ngành đúng hạng Giỏi trở lên trong thời hạn 12 tháng (tính đến thời điểm nộp hồ sơ) các CTĐT chuẩn, chất lượng cao theo Thông tư 23/2014/TT-BGDĐT của ĐHQGHN hoặc các CTĐT ngoài ĐHQGHN đã kiểm định bởi các tổ chức kiểm định được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận (các CTĐT này phải còn thời hạn kiểm định tại thời điểm thí sinh đang học tập ở trình độ đại học);

+ Có bằng tốt nghiệp một số ngành đại học chính quy ngành phù hợp của ĐHQGHN hạng Giỏi trở lên trong thời hạn 12 tháng (tính đến ngày nộp hồ sơ). Danh mục các ngành phù hợp này được ĐHQGHN phê duyệt.

Điểm thưởng về thành tích nghiên cứu khoa học (xem quy định tại Mục 4.2 của thông báo này) có thể được cộng thêm vào điểm trung bình chung tích lũy toàn khóa của thí sinh để xét tuyển thẳng.

4.2. Quy định về mức điểm thưởng thành tích nghiên cứu khoa học

- Đối với công trình nghiên cứu khoa học sinh viên:

+ Đạt giải thưởng cấp ĐHQGHN hoặc cấp Bộ Giáo dục và Đào tạo: giải nhất 0,2 điểm, giải nhì 0,15 điểm, giải ba 0,1 điểm, giải khuyến khích 0,07 điểm;

+ Đạt giải thưởng cấp trường hoặc cấp khoa trực thuộc: giải nhất 0,1 điểm, giải nhì 0,07 điểm, giải ba 0,05 điểm.

- Đối với bài báo khoa học đăng ở tạp chí ISI: 0,3 điểm; bài báo đăng trên tạp chí Scopus/quốc tế khác: 0,2 điểm; bài báo đăng trên kỷ yếu Hội nghị, hội thảo khoa học cấp quốc tế/quốc gia: 0,15 điểm;

- Sinh viên có nhiều thành tích thì được tích lũy điểm thưởng nhưng không quá 0,5 điểm.

4.3. Hồ sơ xét tuyển thẳng

Hồ sơ xét tuyển thẳng đào tạo thạc sĩ (Biểu mẫu được đăng trên website của Trường ĐHKHTN, <http://tuyensinh.hus.vnu.edu.vn/sau-dai-hoc.html>), bao gồm:

- Đơn đăng kí xét tuyển thẳng (theo Mẫu 1A);
- Sơ yếu lí lịch (theo Mẫu 2A);
- Bản khai thành tích học tập và nghiên cứu khoa học (theo Mẫu 3A);
- 01 Bản sao (công chứng) các văn bằng: bằng đại học, bằng điểm đại học,
- 02 Bản sao (công chứng) văn bằng/chứng chỉ tiếng Anh;
- Bản photocopy giấy khen hoặc giấy chứng nhận giải thưởng nghiên cứu khoa học các cấp, bài báo hoặc báo cáo khoa học (gồm trang bìa tạp chí hoặc tuyển tập báo cáo hội nghị khoa học, các trang có nội dung bài báo và trang mục lục) (nếu có);

Tất cả hồ sơ trên được bỏ vào 1 túi hồ sơ, bên ngoài có dán bìa hồ sơ (theo Mẫu 4A).

4.4. Thời gian tổ chức xét tuyển thẳng

Trường ĐHKHTN tổ chức xét tuyển thẳng ngay sau khi hết hạn thời gian nộp hồ sơ và thông báo kết quả cho thí sinh trước 17h00 ngày 04/5/2024, những thí sinh không được tuyển thẳng có thể tham dự xét tuyển vào ngày 11/5/2024.

4.5. Nguyên tắc xét tuyển thẳng: xét đúng các đối tượng đã quy định, xét tuyển từ cao xuống thấp cho đến khi hết chỉ tiêu.

5. Tổ chức xét tuyển

5.1. Điều kiện xét tuyển

Các thí sinh đăng ký dự tuyển đào tạo thạc sĩ tại Trường ĐHKHTN, đáp ứng các yêu cầu đối với người dự tuyển (nêu trong Mục 1).

5.2. Hình thức xét tuyển

Đánh giá hồ sơ và phỏng vấn thí sinh. Hướng dẫn chi tiết được đăng tải trên website của Nhà trường.

5.3. Các mốc thời gian xét tuyển

- Đăng kí xét tuyển: từ 8h00 ngày 11/3/2024 đến 17h00 ngày 24/4/2024 (xem thêm trong Mục 6)

- Lịch xét tuyển:

+ Đánh giá hồ sơ (theo lịch của Hội đồng tuyển sinh);

+ Phỏng vấn thí sinh: ngày 11/5/2024 tại các tiểu ban chuyên môn.

+ Thi ngoại ngữ (bài thi VNU test) cho các thí sinh chưa có minh chứng ngoại ngữ: ngày 12/5/2024 (**Thí sinh đăng ký trực tiếp và thi tại Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN**).

- Công bố kết quả tuyển sinh: Trước ngày 29/5/2024.

- Thông báo triệu tập thí sinh trúng tuyển: Trước ngày 22/6/2024.

5.4. Hồ sơ xét tuyển

Hồ sơ xét tuyển thạc sĩ (Biểu mẫu được đăng trên website của Trường ĐHKHTN, <http://tuyensinh.hus.vnu.edu.vn/sau-dai-hoc.html>), bao gồm:

- Đơn đăng kí xét tuyển đào tạo thạc sĩ (theo Mẫu 1B);

- Sơ yếu lí lịch (theo Mẫu 2B);

- 01 Bản sao (công chứng): bằng đại học, bảng điểm đại học, chứng nhận công nhận văn bằng trong trường hợp bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp, chứng nhận bổ sung kiến thức (nếu có);

- 02 Bản sao (công chứng) văn bằng/chứng chỉ tiếng Anh (nếu có);

- 01 Bản sao (công chứng) minh chứng kinh nghiệm công tác chuyên môn (nếu có);

- 01 Bản photocopy giấy khen/ giấy chứng nhận giải thưởng, danh mục kèm theo các bài báo hoặc báo cáo khoa học (gồm trang bìa, các trang có nội dung bài báo và trang mục lục) liên quan đến CTĐT dự thi (nếu có).

Tất cả hồ sơ trên được bỏ vào 1 túi hồ sơ, bên ngoài có dán bìa hồ sơ (theo Mẫu 3B).

6. Đăng kí xét tuyển thẳng và xét tuyển

Việc đăng kí dự tuyển được thực hiện theo hai bước:

Bước 1: Đăng kí trên phần mềm tuyển sinh sau đại học:

- Thí sinh truy cập vào phần mềm tuyển sinh sau đại học của ĐHQGHN tại địa chỉ <http://tssdh.vnu.edu.vn/> và thực hiện đăng kí dự tuyển trực tuyến theo hướng dẫn. Thí sinh đã đăng kí tài khoản trong những kì tuyển sinh trước và chưa nhập học tại bất kì đơn vị nào trong ĐHQGHN có thể sử dụng tài khoản đã có để đăng kí dự tuyển. Thí sinh phải cam kết và chịu trách nhiệm về tính trung thực trong các thông tin khai báo.

- Thời gian đăng kí: **đến 17h00 ngày 24/4/2024.**

*** Thí sinh không hoàn thành việc đăng kí trực tuyến sẽ không đủ điều kiện dự tuyển.**

Bước 2: Nộp hồ sơ:

- Thí sinh chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo các Mục 4.3 hoặc Mục 5.4.

- Thời gian nộp hồ sơ: Trong giờ hành chính từ ngày 10/4/2024 đến ngày 24/4/2024 (trừ thứ Bảy, Chủ nhật và ngày lễ).

- Địa điểm nộp hồ sơ: Phòng Đào tạo (Phòng 406 nhà T1), Trường ĐHKHTN, 334 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội.

7. Lệ phí dự tuyển: Thí sinh nộp lệ phí dự tuyển: 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng chẵn*), bằng cách chuyển khoản, như sau:

- Cấu trúc lệnh chuyển tiền nộp lệ phí tuyển sinh:

LPTSSDH <2024> [Mã đăng kí dự tuyển của thí sinh] [Họ tên thí sinh]

- Số tài khoản: 115 118 222 8888 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội, chi nhánh Thanh Xuân.

Mã đăng kí dự tuyển của thí sinh được cấp khi thí sinh đăng kí thành công trên cổng thông tin tuyển sinh.

8. Học phí, học bổng

- Học phí, lộ trình tăng học phí của hệ đào tạo thạc sĩ tuân theo quy định của nhà nước và các quy định khác có liên quan.

- Học bổng hỗ trợ học tập theo quy định của Trường ĐHKHTN và của ĐHQGHN. Ngoài ra, còn có nhiều học bổng tài trợ do các tổ chức, cơ quan, doanh nghiệp và cá nhân tài trợ.

Thông tin chi tiết liên hệ:

Phòng Đào tạo (Phòng 406 nhà T1), Trường ĐHKHTN, 334 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội.

Điện thoại: 024.38582542, E.mail: saudaihoc@hus.edu.vn.

Nơi nhận:

- Các sở, ban, ngành;
- Các trường đại học, viện nghiên cứu;
- ĐHQGHN (để b/c);
- Hiệu trưởng (để b/c);
- Các khoa, Trung tâm CNTT&TT (để p/h);
- Lưu VT, ĐT, Th100.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
CHỦ TỊCH HĐQT SAU ĐẠI HỌC**

(đã kí)

GS.TS. Lê Thanh Sơn

Phụ lục 1**Danh sách các CTĐT tài năng, tiên tiến, chuẩn quốc tế, chất lượng cao (được Nhà nước hỗ trợ) và các CTĐT được kiểm định của Trường ĐHKHTN****I. Các CTĐT tài năng, tiên tiến, chuẩn quốc tế, chất lượng cao (được Nhà nước hỗ trợ) của Trường ĐHKHTN:**

- CTĐT tài năng Toán học
- CTĐT tài năng Vật lí
- CTĐT tài năng Hóa học
- CTĐT tài năng Sinh học
- CTĐT tiên tiến Hóa học
- CTĐT tiên tiến Khoa học môi trường
- CTĐT chuẩn quốc tế Vật lí
- CTĐT chuẩn quốc tế Sinh học
- CTĐT chuẩn quốc tế Địa chất học
- CTĐT chất lượng cao Địa chất học
- CTĐT chất lượng cao Địa lí tự nhiên
- CTĐT chất lượng cao Khí tượng học
- CTĐT chất lượng cao Thủy văn
- CTĐT chất lượng cao Hải dương học
- CTĐT chất lượng cao Khoa học môi trường

II. Các CTĐT đã được kiểm định của Trường ĐHKHTN được xét tuyển thẳng đào tạo thạc sĩ đợt 1 năm 2024

TT	Tên CTĐT	Ngày QĐ công nhận kiểm định chất lượng	Ngày hết hạn kiểm định	Tổ chức công nhận kiểm định
1	Toán học	25/6/2013	24/6/2017	AUN-QA
2	Sinh học	25/6/2013	24/6/2017	AUN-QA
		28/4/2023	28/4/2028	Trung tâm KĐCLGD Thăng Long
3	Vật lí học	18/10/2015	17/10/2019	AUN-QA
4	Địa chất học	18/10/2015	17/10/2019	AUN-QA
5	Khoa học môi trường	18/10/2015	17/10/2020	AUN-QA
		28/4/2023	28/4/2028	Trung tâm KĐCLGD Thăng Long
6	Địa lí tự nhiên	23/12/2017	22/12/2022	AUN-QA
7	Khí tượng và khí hậu học	23/12/2017	22/12/2022	AUN-QA
8	Công nghệ kĩ thuật hóa học	08/12/2018	07/12/2023	AUN-QA

TT	Tên CTĐT	Ngày QĐ công nhận kiểm định chất lượng	Ngày hết hạn kiểm định	Tổ chức công nhận kiểm định
9	Công nghệ kỹ thuật môi trường	08/12/2018	07/12/2023	AUN-QA
10	Khoa học máy tính và thông tin	05/9/2020	04/9/2025	AUN-QA
11	Khoa học vật liệu	06/12/2020	05/12/2025	AUN-QA
12	Quản lý đất đai	06/12/2020	05/12/2025	AUN-QA
13	Hóa dược	08/11/2021	07/11/2026	AUN-QA
14	Công nghệ sinh học	08/11/2021	07/11/2026	AUN-QA
15	Quản lý tài nguyên và môi trường	08/11/2021	07/11/2026	AUN-QA
16	Toán tin	23/4/2023	23/4/2028	AUN-QA
17	Hóa học	28/4/2023	28/4/2028	Trung tâm KĐCLGD Thăng Long

Danh sách gồm 17 CTĐT./.

Phụ lục 2

Các chuyên ngành đào tạo thạc sĩ tại Trường ĐHKHTN

TT	Chuyên ngành	Đề cương môn thi	Ngành	Chỉ tiêu xét tuyển thẳng	Chỉ tiêu xét tuyển	Tổng chỉ tiêu
1.	Toán học	Đại số+Giải tích	Toán học	4	5	7
2.	Phương pháp toán sơ cấp (định hướng ứng dụng)	Toán cao cấp	Toán học	5	5	10
3.	Toán ứng dụng	Đại số+Giải tích	Toán ứng dụng	5	3	8
4.	Khoa học dữ liệu	Xác suất thống kê	Khoa học dữ liệu	15	30	45
5.	Cơ học	Toán cho cơ học + Cơ học đại cương	Cơ học	2	1	3
6.	Cơ sở toán học cho tin học	Cơ sở toán cho tin học+Giải tích/Tin học đại cương	Toán tin	1	1	2
7.	Vật lý	Giải tích cho vật lý + Cơ sở cơ học lượng tử	Vật lý	30	20	50
8.	Hoá học	Cơ sở lý thuyết hóa học và cấu tạo chất	Hoá học	20	10	30
9.	Kỹ thuật hoá học	Cơ sở lý thuyết hóa học và cấu tạo chất	Kỹ thuật hoá học	7	3	10
10.	Hoá phân tích	Cơ sở lý thuyết hóa học và cấu tạo chất	Hoá phân tích	15	10	25
11.	Sinh học	Sinh học cơ sở	Sinh học	8	4	12
12.	Sinh học thực nghiệm	Sinh học cơ sở	Sinh học	7	5	12
13.	Di truyền học	Sinh học cơ sở	Sinh học	4	3	7
14.	Vi sinh vật học	Sinh học cơ sở	Sinh học	4	3	7
15.	Công nghệ sinh học	Sinh học cơ sở	Công nghệ sinh học	17	10	27
16.	Địa lý	Địa lý đại cương	Địa lý	2	1	3
17.	Bản đồ, viễn thám và hệ thống tin địa lý	Địa lý đại cương	Bản đồ, viễn thám và hệ thống tin địa lý	2	2	4
18.	Quản lý tài nguyên và môi trường	Các khoa học trái đất	Quản lý tài nguyên và môi trường	5	4	9
19.	Quản lý đất đai	Cơ sở địa chính	Quản lý đất đai	6	3	9
20.	Địa chất học	Địa chất đại cương	Địa chất học	2	2	4
21.	Địa chất môi trường	Địa chất đại cương	Địa chất học	3	3	6

TT	Chuyên ngành	Đề cương môn thi	Ngành	Chỉ tiêu xét tuyển thẳng	Chỉ tiêu xét tuyển	Tổng chỉ tiêu
22.	Khí tượng và khí hậu học	Khí tượng đại cương	Khí tượng và khí hậu học	6	4	10
23.	Thủy văn học	Thủy văn đại cương	Thủy văn học	3	2	5
24.	Hải dương học	Hải dương học	Hải dương học	3	2	5
25.	Khoa học môi trường	Cơ sở khoa học môi trường	Khoa học môi trường	12	8	20
26.	Môi trường và phát triển bền vững	Cơ sở khoa học môi trường	Khoa học môi trường	6	4	10
27.	Kỹ thuật môi trường	Cơ sở công nghệ môi trường	Kỹ thuật môi trường	6	4	10
	Tổng			200	150	350

Danh sách gồm 27 chuyên ngành.

Ghi chú:

- *Chỉ tiêu tuyển sinh có thể được điều chỉnh để phù hợp với tình hình thực tế.*
- *Danh mục đề cương môn thi được đăng tải trên website của Nhà trường:
<http://tuyensinh.hus.vnu.edu.vn/sau-dai-hoc.html>*

Phụ lục 3

Danh mục ngành phù hợp dự tuyển đào tạo thạc sĩ tại Trường ĐHKHTN

TT	Chuyên ngành	Ngành phù hợp		Các học phần BSKT
		(1)	(2)	
1	Toán học	Toán học, Toán ứng dụng, Toán tin, Toán cơ, Toán - Tin ứng dụng, Sư phạm Toán học	Khoa học dữ liệu, Khoa học máy tính và thông tin, Máy tính và Khoa học thông tin, Sư phạm Toán Tin, Tin học, Công nghệ thông tin	<ul style="list-style-type: none"> - Đại số đại cương - Tô pô đại cương - Giải tích hàm - Hàm biến phức - Lý thuyết độ đo và tích phân - Phương trình đạo hàm riêng - Xác suất - Giải tích số
2	Phương pháp toán sơ cấp (định hướng ứng dụng)	Toán học, Toán tin (Toán tin ứng dụng), Toán ứng dụng, Toán cơ, Sư phạm Toán học, Sư phạm Tin học, Khoa học dữ liệu, Khoa học máy tính và thông tin, Máy tính và khoa học thông tin	Sư phạm Vật lý, Vật lý, Thống kê	<ul style="list-style-type: none"> - Giải tích 1 - Giải tích 2 - Đại số tuyến tính - Xác suất Thống kê
3	Toán ứng dụng	Toán học, Toán ứng dụng, Toán cơ, Toán tin ứng dụng, Toán tin, Sư phạm Toán học, Sư phạm toán tin	Tin học, Công nghệ thông tin, Khoa học dữ liệu, Khoa học máy tính và thông tin, Máy tính và khoa học thông tin, Toán tài chính, Toán kinh tế, Thống kê, Quản trị rủi ro	<ul style="list-style-type: none"> - Đại số tuyến tính - Giải tích nhiều biến - Lập trình cơ bản - Thống kê ứng dụng - Xác suất - Giải tích số - Tối ưu hóa
4	Khoa học dữ liệu	Khoa học dữ liệu, Khoa học máy tính và thông tin, Máy tính và khoa học thông tin, Sư phạm Tin học, Toán tin, Khoa học máy tính, Kỹ thuật phần mềm, Hệ thống thông tin, Công nghệ thông tin, An toàn thông tin, Mạng máy tính và	Danh mục ngành phù hợp (mức 1): Toán học, Sư phạm toán học, Toán cơ, Khoa học tính toán, Toán ứng dụng, Thống kê, Toán kinh tế, Thống kê kinh tế. - Danh mục ngành phù hợp (mức 2): Khí tượng và khí hậu học, Vật lý học, Khoa học vật liệu, Cơ kỹ thuật, Khoa học công	<p>* Đối với đối tượng có bằng tốt nghiệp đại học ngành phù hợp (mức 1):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thống kê ứng dụng - Lập trình hướng đối tượng - Toán rời rạc <p>* Đối với các đối tượng có bằng tốt nghiệp đại học</p>

TT	Chuyên ngành	Ngành phù hợp		Các học phần BSKT
		(1)	(2)	
		truyền thông dữ liệu, Kỹ thuật máy tính, Trí tuệ nhân tạo, Công nghệ kỹ thuật máy tính	nghệ vũ trụ, Robotics, Công nghệ kỹ thuật xây dựng giao thông, Kinh tế học (Kinh tế, Kinh tế đầu tư, Kinh tế phát triển, Kinh tế quốc tế, Kinh tế đối ngoại, Kinh tế số), Kinh doanh (Kinh doanh quốc tế, Kinh doanh thương mại, Thương mại điện tử, Quản trị kinh doanh), Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm (Tài chính ngân hàng, Bảo hiểm, Công nghệ tài chính), Kế toán - Kiểm toán (Kế toán, Kiểm toán), Công nghệ kỹ thuật cơ khí (Công nghệ kỹ thuật điện tử), Công nghệ kỹ thuật điện - điện tử viễn thông (Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử, Công nghệ kỹ thuật điện tử viễn thông, Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa), Kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông (Kỹ thuật điện tử - viễn thông, Kỹ thuật y sinh, Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa), Vật lý kỹ thuật (Vật lý kỹ thuật, Kỹ thuật hạt nhân)	<p>ngành phù hợp (mức 2):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thống kê ứng dụng - Lập trình hướng đối tượng - Toán rời rạc - Cơ sở dữ liệu - Mạng máy tính <p>* Đối với các đối tượng có bằng tốt nghiệp đại học ngành khác:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thống kê ứng dụng - Lập trình hướng đối tượng - Toán rời rạc - Cơ sở dữ liệu - Mạng máy tính - Học máy <p>Các thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học ngành khác phải đảm bảo 2 tiêu chí sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong bảng điểm đại học phải có các học phần về Toán cao cấp (tối thiểu 3 tín chỉ) và Xác suất thống kê (tối thiểu 3 tín chỉ) - Có tối thiểu 02 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực liên quan tới phân tích và xử lý dữ liệu tính từ ngày kí quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày dự thi
5	Cơ học	Toán học, Toán Cơ, Toán Tin ứng dụng, Toán ứng dụng, Sur phạm Toán, Vật lý,	Kỹ thuật cơ khí, Kỹ thuật cơ khí động lực, Kỹ thuật hàng không, Kỹ thuật công nghiệp, Công nghệ	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ học môi trường liên tục - Cơ học lý thuyết

TT	Chuyên ngành	Ngành phù hợp		Các học phần BSKT
		(1)	(2)	
		Cơ kỹ thuật	kỹ thuật cơ khí, Công nghệ kỹ thuật xây dựng, Công nghệ kỹ thuật giao thông, Khoa học dữ liệu, Khoa học tính toán.	<ul style="list-style-type: none"> - Lý thuyết dao động - Lý thuyết đàn hồi - Phương trình đạo hàm riêng - Giải tích số - Phép tính biến phân
6	Cơ sở toán học cho tin học	Máy tính và khoa học thông tin, Sư phạm Tin học, Toán tin, Khoa học máy tính, Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu, Kỹ thuật phần mềm, Hệ thống thông tin, Kỹ thuật máy tính, Công nghệ thông tin	Các chuyên ngành khác của Toán học như Toán ứng dụng, Toán giải tích, Phương pháp toán sơ cấp, Lý thuyết xác suất và thống kê toán học, Đại số và lý thuyết số; Hình học - Tô pô	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ sở dữ liệu - Thiết kế và đánh giá thuật toán - Ngôn ngữ hình thức và Ôtomat - Giải tích số
7	Vật lý	Thiên văn học, Công nghệ kỹ thuật hạt nhân, Sư phạm Vật lý, Sư phạm Khoa học tự nhiên, Kỹ thuật điện tử và tin học, Khoa học vật liệu, Vật lý kỹ thuật, Kỹ thuật điện - điện tử, Công nghệ nano, Lý sinh, Hóa lý, Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử, Công nghệ kỹ thuật điện tử viễn thông, Vật liệu và linh kiện nano, Khoa học và Công nghệ nano	Toán học, Hóa học, Sinh học, Hóa dược, Công nghệ kỹ thuật hóa học, Kỹ thuật địa chất, Địa chất học, Sư phạm toán, Sư phạm hóa học, Sư phạm sinh học, Vật liệu điện tử, Khoa học máy tính	<ul style="list-style-type: none"> - Vật lý thống kê - Cơ học lượng tử - Vật lý chất rắn - Vật lý bán dẫn - Kỹ thuật điện tử - Truyền tin số - Vật lý hạt cơ bản - Phản ứng hạt nhân - Quang phổ phân tử hai nguyên tử - Quang học hiện đại - Địa điện - Trọng lực - Vật lý và kỹ thuật nhiệt độ thấp - Vật lý chất rắn ở Nhiệt độ thấp
8	Hoá học	Hóa học, Sư phạm Hóa học, Công nghệ kỹ thuật hóa học, Kỹ thuật hóa học, Hóa dược, Khoa học môi trường, Công nghệ kỹ thuật môi trường,	Công nghệ sinh học, Khoa học vật liệu, Khoa học môi trường, Công nghệ vật liệu, Công nghệ nano, Vật lý chất rắn, Vật lý nguyên tử và hạt nhân, Dược học, Công nghệ chế biến, Sinh	<ul style="list-style-type: none"> - Hóa học vô cơ 2 - Cơ sở hóa học vật liệu - Các phương pháp phân tích cấu trúc trong hóa vô cơ - Hóa học phức chất - Vật liệu vô cơ

TT	Chuyên ngành	Ngành phù hợp		Các học phần BSKT
		(1)	(2)	
		Công nghệ môi trường, Kỹ thuật môi trường	học, Địa chất, Địa lý học, Khí tượng - Thủy văn - Hải dương học, Sinh dược học	<ul style="list-style-type: none"> - Hóa học hữu cơ 1 - Hóa học hữu cơ 2 - Thực tập hóa hữu cơ 1 - Tổng hợp hữu cơ - Hóa lý 1 - Hóa lý 2 - Hóa học các hợp chất cao phân tử - Hóa keo - Hoá học môi trường - Độc chất học môi trường cơ sở - Phân tích môi trường - Công nghệ xử lý ô nhiễm môi trường
9	Kỹ thuật hoá học	Công nghệ kỹ thuật hóa học, Công nghệ Hóa học, Hóa học	Hóa dược, Sư phạm Hóa học, Công nghệ sinh học, Sinh dược học, Khoa học môi trường, Kỹ thuật môi trường, Công nghệ kỹ thuật môi trường, Khoa học vật liệu, Kỹ thuật vật liệu, Công nghệ vật liệu, Công nghệ thực phẩm.	<ul style="list-style-type: none"> - Hóa kỹ thuật - Thủy khí - Kỹ thuật phản ứng hóa học - Truyền nhiệt và chuyên khối - Kỹ thuật tách chất - Nhiệt động kỹ thuật hóa học - Hóa học dầu mỏ - Công nghệ lọc, hóa dầu - Xúc tác trong công nghiệp lọc, hóa dầu - Các sản phẩm dầu mỏ
10	Hoá phân tích	Hóa học, Sư phạm Hóa học, Công nghệ kỹ thuật hóa học, Kỹ thuật hóa học, Hóa dược	Sinh học, Công nghệ sinh học, Sinh dược học, Khoa học vật liệu, Địa chất học, Thủy văn, Hải dương học, Khoa học môi trường, Khoa học đất, Công nghệ kỹ thuật môi trường, Kỹ thuật môi trường, Công nghệ thực phẩm, Công nghệ sau thu hoạch, Dược	<ul style="list-style-type: none"> - Các phương pháp phân tích cấu trúc và định lượng - Thực tập các phương pháp phân tích cấu trúc và định lượng - Xử lý mẫu trong hóa phân tích - Các phương pháp phân tích điện hóa

TT	Chuyên ngành	Ngành phù hợp		Các học phần BSKT
		(1)	(2)	
			học	<ul style="list-style-type: none"> - Các phương pháp phân tích sắc ký - Các phương pháp phân tích quang học
11	Sinh học	Sinh học, Công nghệ sinh học, Kỹ thuật sinh học, Sư phạm sinh học, Sinh học ứng dụng	Nông nghiệp, Lâm nghiệp, Thú y, Thủy sản, Môi trường	<ul style="list-style-type: none"> - Hóa sinh học - Sinh học tế bào - Sinh học phân tử - Vi sinh vật học - Sinh lý học người và động vật - Sinh lý học thực vật - Di truyền học - Thực vật học - Động vật học động vật không xương sống - Động vật học động vật có xương sống - Cơ sở sinh thái học
13	Sinh học thực nghiệm	Sinh học, Công nghệ sinh học, Kỹ thuật sinh học, Sư phạm sinh học, Sinh học ứng dụng	Nông nghiệp, Lâm nghiệp, Thú y, Thủy sản, Y học và Dược học	<ul style="list-style-type: none"> - Hóa sinh học - Sinh học tế bào - Sinh học phân tử - Vi sinh vật học - Sinh lý học người và động vật - Sinh lý học thực vật - Di truyền học - Sinh học người - Lý sinh học - Sinh học phát triển
14	Di truyền học	Sinh học, Công nghệ sinh học, Kỹ thuật sinh học, Sư phạm sinh học, Sinh học ứng dụng	Nông nghiệp, Lâm nghiệp, Thú y, Thủy sản, Y học và Dược học	<ul style="list-style-type: none"> - Hóa sinh học - Sinh học tế bào - Sinh học phân tử - Vi sinh vật học - Sinh lý học người và động vật - Sinh lý học thực vật - Di truyền học - Thực vật học - Động vật học động vật

TT	Chuyên ngành	Ngành phù hợp		Các học phần BSKT
		(1)	(2)	
				<ul style="list-style-type: none"> không xương sống - Động vật học động vật có xương sống - Cơ sở sinh thái học
15	Vi sinh vật học	Sinh học, Công nghệ sinh học, Kỹ thuật sinh học, Sư phạm sinh học, Sinh học ứng dụng.	Nông nghiệp, Lâm nghiệp, Thú y, Thủy sản, Y học, Dược học, Môi trường, Thực phẩm	<ul style="list-style-type: none"> - Hóa sinh học - Sinh học tế bào - Sinh học phân tử - Vi sinh vật học - Sinh lý học người và động vật - Sinh lý học thực vật - Di truyền học - Thực vật học - Động vật học động vật không xương sống - Động vật học động vật có xương sống - Cơ sở sinh thái học
	Công nghệ sinh học	Sinh học, Công nghệ sinh học, Kỹ thuật sinh học, Sư phạm sinh học, Sinh học ứng dụng	Bác sỹ đa khoa, Dược sỹ, Nông nghiệp, Lâm nghiệp, Thú y, Thủy sản	<ul style="list-style-type: none"> - Hóa sinh học - Sinh học tế bào - Sinh học phân tử - Vi sinh vật học - Lý sinh học - Sinh lý học người và động vật - Sinh lý học thực vật - Di truyền học - Sinh học phân tử - Sinh học phát triển
6	Địa lý	Địa lý tự nhiên, Địa lý học, Sư phạm Địa lý, Quản lý tài nguyên và môi trường, Quản lý phát triển đô thị và Bất động sản, Khoa học thông tin địa không gian	Khoa học môi trường, Kinh tế tài nguyên thiên nhiên, Quản lý đất đai, Quản lý tài nguyên rừng, Quản lý nguồn lợi thủy sản, Lâm nghiệp, Khoa học đất, Phát triển nông thôn, Kinh tế nông nghiệp, Nông nghiệp, Quy hoạch vùng và đô thị, Bản đồ học, Công nghệ Quan trắc	<ul style="list-style-type: none"> - Địa lý học - Địa lý tự nhiên Việt Nam - Địa lý kinh tế-xã hội Việt Nam - Cơ sở quy hoạch và tổ chức lãnh thổ - Khoa học môi trường và Biến đổi khí hậu

TT	Chuyên ngành	Ngành phù hợp		Các học phần BSKT
		(1)	(2)	
			và Giám sát Tài nguyên Môi trường, Kỹ thuật trắc địa - bản đồ, Thủy văn học, Hải dương học, Khí tượng học, Địa chất học, Việt Nam học, Sinh học, Văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam, Quy hoạch vùng và đô thị, Du lịch, Xã hội học	
17	Bản đồ, viễn thám và hệ thống tin địa lý	Địa lý tự nhiên, Địa lý học, Sư phạm Địa lý, Quản lý tài nguyên và môi trường, Quản lý đất đai, Kỹ thuật trắc địa - bản đồ, Khoa học thông tin Địa không gian.	Quản lý phát triển đô thị và bất động sản, Kinh tế tài nguyên thiên nhiên, Quản lý tài nguyên rừng, Địa chất học, Địa kỹ thuật - Địa môi trường, Kỹ thuật trắc địa, Khí tượng học; Thủy văn học, Hải dương học, Quy hoạch vùng và đô thị, Quản lý đô thị và công trình, Quản lý đô thị thông minh và bền vững, Quản lý xây dựng, Kinh tế tài nguyên, Kinh tế tài nguyên môi trường	<ul style="list-style-type: none"> - Trắc địa đại cương - Bản đồ đại cương - Xử lý ảnh số - Thực tập xây dựng thư viện phổ từ máy đo phổ cầm tay - Địa lý Việt Nam - Cơ sở viễn thám - Hệ thống thông tin địa lý - Viễn thám ứng dụng - Thực hành viễn thám và GIS ứng dụng
18	Quản lý tài nguyên và môi trường	Địa lý tự nhiên, Quản lý tài nguyên và môi trường, Địa chất học, Địa lý học, Sư phạm địa lý, Quản lý đất đai, Địa chính, Khoa học thông tin địa không gian, Quản lý phát triển đô thị và bất động sản, Kỹ thuật địa chất, Thủy văn học, Hải dương học, Khí tượng và khí hậu học, Khoa học môi trường, Công nghệ kỹ thuật môi trường, Công	Nông nghiệp, Khoa học đất, Lâm nghiệp, Kinh tế tài nguyên thiên nhiên, Kinh tế nông nghiệp, Phát triển nông thôn, Quản lý thủy sản, Quản lý xây dựng, Quản lý đô thị và công trình, Sinh học, Thực vật học, Du lịch, Thủy sản, Bất động sản, Khảo cổ học, Bản đồ học, Kỹ thuật trắc địa - bản đồ, Công nghệ trí tuệ nhân tạo và máy học, Việt Nam học	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ sở địa lý tự nhiên - Cơ sở địa lý nhân văn - Khoa học môi trường và biến đổi khí hậu - Cơ sở quy hoạch và tổ chức lãnh thổ - Địa lý tự nhiên Việt Nam - Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam - Địa lý và môi trường biển

TT	Chuyên ngành	Ngành phù hợp		Các học phần BSKT
		(1)	(2)	
		nghệ quan trắc và giám sát tài nguyên môi trường, Tài nguyên và môi trường nước, Quản lý tài nguyên rừng, Quy hoạch vùng và đô thị, Quy hoạch lãnh thổ		
19	Quản lý đất đai	Quản lý đất đai, Địa chính, Quản lý phát triển đô thị và bất động sản, Địa lý tự nhiên, Quản lý tài nguyên và môi trường	Địa lý học, Bản đồ học, Kỹ thuật trắc địa - bản đồ, Khoa học thông tin địa không gian, Bất động sản, Khoa học đất, Khoa học môi trường, Công nghệ môi trường, Công nghệ kỹ thuật môi trường, Môi trường và phát triển bền vững, Địa chất học, Địa kỹ thuật - Địa môi trường, Kỹ thuật địa chất, Khí tượng học, Thủy văn học, Hải dương học, Quy hoạch vùng và đô thị, Quản lý đô thị và công trình, Quản lý đô thị thông minh và bền vững, Quản lý xây dựng, Kinh tế tài nguyên, Kinh tế tài nguyên môi trường	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ sở và lịch sử quản lý đất đai - Pháp luật đất đai - Xử lý số liệu đo đạc - Đo đạc địa chính và ứng dụng tin học trong xây dựng bản đồ - Đăng ký đất đai và hồ sơ địa chính - Đánh giá đất và quy hoạch sử dụng đất đai - Thổ nhưỡng và bản đồ thổ nhưỡng - Quản lý tài chính đất đai - Quản lý thị trường bất động sản - Hệ thống thông tin đất đai - Trắc địa ảnh và công nghệ ảnh số - Địa lý học
20	Địa chất học	Địa chất học	Quản lý tài nguyên thiên nhiên, Quản lý tài nguyên và môi trường, Công nghệ quan trắc và giám sát tài nguyên môi trường, Kỹ thuật địa vật lý, Kỹ thuật mỏ, Kỹ thuật dầu khí, Kỹ thuật tuyển khoáng, Kỹ thuật địa chất, Địa kỹ thuật - Địa môi trường	<ul style="list-style-type: none"> - Địa chất cấu trúc và kiến tạo - Thạch học - Cổ sinh và địa tầng - Địa hóa - Địa chất đại cương - Quang học tinh thể và khoáng vật học

TT	Chuyên ngành	Ngành phù hợp		Các học phần BSKT
		(1)	(2)	
21	Địa chất môi trường	Địa kỹ thuật - Địa môi trường (trước năm 2013), Kỹ thuật địa chất	Địa chất học; Quản lý tài nguyên thiên nhiên (trước năm 2013), Quản lý tài nguyên và môi trường; Công nghệ Quan trắc và Giám sát Tài nguyên Môi trường (thí điểm); Địa lý tự nhiên; Khí tượng và khí hậu học; Thủy văn học; Hải dương học; Kỹ thuật địa vật lý; Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	<ul style="list-style-type: none"> - Địa chất môi trường - Địa chất đô thị - Địa hóa - Địa chất cấu trúc và kiến tạo - Địa chất đại cương - Tai biến thiên nhiên
22	Khí tượng và khí hậu học	Khí tượng và Khí hậu học	Hải dương học, Thủy văn học, Tài nguyên và Môi trường nước, Khoa học Môi trường, Toán học, Toán Tin, Khoa học máy tính, Khoa học dữ liệu, Công nghệ thông tin, Vật lý học, Thiên văn học	<ul style="list-style-type: none"> - Khí tượng đại cương - Khí tượng động lực I - Khí tượng synop I - Khí hậu và Khí hậu Việt Nam
23	Thủy văn học	Thủy văn môi trường, Kỹ thuật Tài nguyên nước, Tài nguyên và môi trường nước, Địa chất thủy văn, Kỹ thuật xây dựng công trình thủy, Quản lý tài nguyên và môi trường, Quản lý và giảm nhẹ thiên tai, Khoa học môi trường	Khí tượng học, Hải dương học, Địa chất học, Kỹ thuật địa chất, Kỹ thuật địa vật lý, Địa lý tự nhiên kỹ thuật, Địa lý học, Toán tin, Toán ứng dụng, Vật lý học (Vật lý địa cầu), Công nghệ thông tin, Khoa học dữ liệu (thí điểm), Thống kê (Lý thuyết xác suất và thống kê toán học), Cơ học (Cơ học chất lỏng và chất khí), Kỹ thuật môi trường, Kỹ thuật và xây dựng công trình thủy, Biến đổi khí hậu	<ul style="list-style-type: none"> - Thủy văn đại cương - Nhập môn tài nguyên nước - Thủy lực học - Phân tích và tính toán thủy văn
24	Hải dương học	Hải dương học	Khí tượng và khí hậu học, Thủy văn học, Tài nguyên và Môi trường nước, Địa lý tài nguyên và môi trường, Toán học, Cơ học,	<ul style="list-style-type: none"> - Nguyên lý hải dương học - Thủy động lực học biển - Khai thác bền vững

TT	Chuyên ngành	Ngành phù hợp		Các học phần BSKT
		(1)	(2)	
			Toán ứng dụng, Khoa học máy tính, Khoa học dữ liệu, Công nghệ thông tin, Vật lý học, Hóa học, Sinh học, Địa chất, Địa lý, Thiên văn học, Khoa học hàng hải, Vật lý địa cầu, Khoa học Môi trường, Kỹ thuật xây dựng công trình biển	<ul style="list-style-type: none"> - tài nguyên biển - Hải dương học đại cương - Địa chất và địa mạo biển - Dòng chảy biển - Sóng biển - Thủy triều
25	Khoa học môi trường	Công nghệ kỹ thuật môi trường, Công nghệ môi trường, Môi trường, sức khỏe và an toàn	<p>Khoa học và công nghệ thực phẩm, Địa chất học, Địa lý tự nhiên, Khí tượng học, Thủy văn học, Hải dương học, Quản lý tài nguyên và môi trường, Tài nguyên và môi trường nước, Kinh tế tài nguyên, Công nghệ quan trắc và giám sát tài nguyên môi trường, Hoá học, Công nghệ kỹ thuật hóa học, Hóa dược, Sinh học, Công nghệ sinh học, Sinh dược học, Nông nghiệp, Lâm nghiệp, Nông học, Công nghệ nông nghiệp, Khoa học cây trồng, Thủy sản, Quản lý và khai thác nguồn lợi thủy sản, Cấp thoát nước, Quản lý đất đai, Quản lý đô thị thông minh và bền vững, Quản lý nhà nước, Du lịch, Quản trị tài nguyên di sản, Quản trị kinh doanh, Luật, Hành chính công, Kỹ thuật năng lượng, Kinh tế phát triển, Bảo hộ lao động, Kinh tế tài nguyên môi trường, Y tế công cộng, Đô thị học,</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ sở môi trường đất, nước, không khí - Khoa học môi trường đại cương - Tài nguyên thiên nhiên - Công nghệ môi trường đại cương - Hóa học môi trường - Môi trường, sức khỏe và an toàn - Thống kê ứng dụng trong môi trường - Độc học và sức khỏe môi trường - Quản lý môi trường - Viễn thám và hệ thống thông tin địa lý - Kinh tế môi trường - Phân tích hệ thống môi trường - Vi sinh môi trường - Các phương pháp phân tích môi trường - Đánh giá tác động môi trường - Pháp luật và chính sách môi trường

TT	Chuyên ngành	Ngành phù hợp		Các học phần BSKT
		(1)	(2)	
			Vật liệu thông minh, Phát triển nông thôn	
26	Môi trường và phát triển bền vững	Công nghệ kỹ thuật môi trường, Công nghệ môi trường, Môi trường, sức khỏe và an toàn	Khoa học và công nghệ thực phẩm, Địa chất học, Địa lý tự nhiên, Khí tượng học, Thủy văn học, Hải dương học, Khoa học đất, Quản lý tài nguyên và môi trường, Tài nguyên và môi trường nước, Kinh tế tài nguyên, Công nghệ quan trắc và giám sát tài nguyên môi trường, Hoá học, Công nghệ kỹ thuật hóa học, Hóa dược, Sinh học, Công nghệ sinh học, Sinh dược, Nông nghiệp, Lâm nghiệp, Nông học, Công nghệ nông nghiệp, Khoa học cây trồng, Thủy sản, Quản lý và khai thác nguồn lợi thủy sản, Cấp thoát nước, Quản lý đất đai, Quản lý đô thị thông minh và bền vững, Quản lý nhà nước, Du lịch, Quản trị tài nguyên di sản, Quản trị kinh doanh, Luật, Hành chính công, Kỹ thuật năng lượng, Kinh tế phát triển, Bảo hộ lao động, Kinh tế tài nguyên môi trường, Y tế công cộng, Đô thị học, Vật liệu thông minh, Phát triển nông thôn	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ sở môi trường đất, nước, không khí - Khoa học môi trường đại cương - Tài nguyên thiên nhiên - Công nghệ môi trường đại cương - Hóa học môi trường - Môi trường, sức khỏe và an toàn - Thống kê ứng dụng trong môi trường - Độc học và sức khỏe môi trường - Quản lý môi trường - Viễn thám và hệ thống thông tin địa lý - Kinh tế môi trường - Phân tích hệ thống môi trường - Vi sinh môi trường - Các phương pháp phân tích môi trường - Đánh giá tác động môi trường - Pháp luật và chính sách môi trường
27	Kỹ thuật môi trường	Công nghệ môi trường, Kỹ thuật môi trường, Khoa học Môi trường, Môi trường, sức khỏe và an toàn, Khoa học đất	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ, Khoa học và công nghệ thực phẩm, Công nghệ kỹ thuật hóa học, Kỹ thuật hóa học, Kỹ thuật tài nguyên nước, Kỹ thuật cấp	<ul style="list-style-type: none"> - Khoa học môi trường đại cương - Công nghệ môi trường đại cương - Hệ thống quản lý môi trường

TT	Chuyên ngành	Ngành phù hợp		Các học phần BSKT
		(1)	(2)	
			thoát nước, Công nghệ sinh học, Công nghệ quan trắc và giám sát tài nguyên môi trường, Quản lý tài nguyên và môi trường, Tài nguyên và môi trường nước, Hoá học, Địa lý tự nhiên, Kỹ thuật mỏ, Hóa dược, Sinh học, Công nghệ kỹ thuật xây dựng, Công nghệ kỹ thuật cơ khí, Quản lý đô thị và công trình, Công nghệ vật liệu, Sinh dược học, Công nghệ nông nghiệp, Quy hoạch vùng và đô thị, Địa chất học, Khí tượng và khí hậu học, Thủy văn học, Hải dương học, Cấp thoát nước, Quản lý đất đai, Quản lý xây dựng, Quản lý đô thị và công trình, Kỹ thuật năng lượng, Kinh tế phát triển, Kinh tế tài nguyên thiên nhiên Y tế công cộng, Đô thị học, Vật liệu thông minh	<ul style="list-style-type: none"> - Thống kê ứng dụng trong môi trường - Cơ sở công nghệ hóa sinh - Cơ sở thủy khí ứng dụng - Truyền nhiệt chuyển khối - Sản xuất sạch hơn - Hoá lý - hoá keo - Vi sinh trong kỹ thuật môi trường - Hóa kỹ thuật môi trường - Đánh giá tác động môi trường - Độc học và sức khỏe môi trường - Hình họa vẽ kỹ thuật - Thiết kế kỹ thuật

Ghi chú:

- *Cột (1): Ngành phù hợp không phải học bổ sung kiến thức (trừ chuyên ngành Khoa học dữ liệu*
- *Cột (2): Ngành phù hợp phải học bổ sung kiến thức*

Phụ lục 4

**Bảng tham chiếu mức điểm tối thiểu một số chứng chỉ tiếng Anh tương đương Bậc 3, Bậc 4
theo Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam**

Khung năng lực ngoại ngữ VN	IELTS	TOEFL	Cambridge Exam	Pearson English International Certificate (PEIC)	Aptis ESOL	Vietnamese Standardized Test of English Proficiency
Bậc 3	4.5	42 iBT	A2 Key 140 B1 Preliminary: 140 B2 First: 140 B1 Business Preliminary 140 B2 Business Vantage: 140	Level 2	B1	VSTEP.3-5 (4.0)
Bậc 4	5.5	72 iBT	B1 Preliminary: 160 B2 First: 160 C1 Advanced: 160 B1 Business Preliminary 160 B2 Business Vantage: 160 C1 Business Higher: 160	Level 3	B2	VSTEP.3-5 (6.0)

Phụ lục 5**Danh sách các cơ sở cấp chứng chỉ/chứng nhận tiếng Anh được công nhận trong tuyển sinh thạc sĩ tại Trường ĐHKHTN****I. Chứng chỉ tiếng Anh VSTEP**

Trường ĐHKHTN, ĐHQGHN công nhận tất cả các cơ sở cấp chứng chỉ tiếng Anh VSTEP được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận. Dưới đây là danh sách các cơ sở cấp chứng chỉ tiếng Anh đã được Bộ cấp phép (tính đến ngày 29/02/2024)

TT	Cơ sở cấp chứng chỉ	TT	Cơ sở cấp chứng chỉ
1.	Trường ĐH Ngoại ngữ, ĐHQGHN*	16.	Trường Đại học Ngoại thương
2.	Trường ĐH Hà Nội	17.	Học viện Khoa học quân sự
3.	Trường ĐH Ngoại ngữ, ĐH Huế	18.	Học viện Cảnh sát nhân dân
4.	Trường ĐH SP TP. Hồ Chí Minh	19.	Trường Đại học Quy Nhơn
5.	Trường ĐH Ngoại ngữ, ĐH Đà Nẵng	20.	Trường Đại Học Tây Nguyên
6.	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	21.	Trường Đại học Sài Gòn
7.	Đại học Bách khoa Hà Nội	22.	Trường Đại học Văn Lang
8.	Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia TP.HCM	23.	Trường Đại học Trà Vinh
9.	ĐH Thái Nguyên	24.	Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM
10.	Trường ĐH Cần Thơ	25.	Trường Đại Học Công nghiệp TP.HCM
11.	Trường Đại học Nam Cần Thơ	26.	Trường ĐH Lạc Hồng
12.	Trường ĐH Vinh	27.	Trường Đại học Kinh tế Tài chính TP.HCM
13.	Học viện An ninh nhân dân	28.	Trường ĐH Công thương TP. HCM
14.	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	29.	Trường ĐH Kinh tế quốc dân
15.	Trường Đại học Thương mại	30.	Trường ĐH Kinh tế TP. HCM

Ghi chú:

- (*): Trường ĐHKHTN, ĐHQGHN chấp nhận chứng nhận VNU test của Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN trong vòng 2 năm kể từ lúc dự thi đến lúc nộp hồ sơ.

- Mẫu chứng chỉ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Thông báo số 691/TB-QLCL ngày 08/5/2020.

II. Các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế

TT	Cơ sở cấp chứng chỉ	Các chứng chỉ được công nhận			
		IELTS	TOEFL	Cambridge Exam	Aptis ESOL*
1.	Educational Testing Service (ETS)		√		
2.	British Council (BC)	√			√
3.	International Development Program (IDP)	√			
4.	Cambridge ESOL	√		√	

Ghi chú (): Chứng chỉ được cấp từ ngày 16/11/2022 bởi các công ty hoặc tổ chức được Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp phép tại Quyết định 3646/QĐ-BGDĐT ngày 11/11/2022.*